

Bản án số: **38/2022/DS-ST**.

Ngày: 06/4/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Lý Minh Hùng**.

+ Ông **Tổng Văn Tư**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiến** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: không tham gia.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 272/2021/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Phường A, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T**-Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Thế P**- Giám đốc chi nhánh Cái Bè.

Ông **Trần Anh D**- Giám đốc phòng giao dịch Hậu Thành (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn H1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Cụ **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1942.

- Bà **Dương Thị N**, sinh năm: 1968.

- Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1979.

- Anh **Dương Văn H2**, sinh năm: 2000.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng A ông Trần Anh D trình bày thống nhất:

Ông Dương Văn H1 có ký kết hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-202005317, ngày 26/6/2020 với Ngân hàng A - chi nhánh huyện Cái Bè- Phòng giao dịch Hậu Thành có nội dung: Ngân hàng cho ông H1 và các thành viên trong hộ gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T, Dương Thị N, Nguyễn Thị Thanh T và Dương Văn H2 vay 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng chẵn) để xây nhà ở. Theo phục lục hợp đồng – Nhận tiền vay và định kỳ trả nợ vào ngày 26/6/2020 thì ông H1 và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 đã nhận đủ 800.000.000đ vốn vay và định kỳ trả nợ gốc vào ngày 25 tháng 6 hàng năm, từ năm 2021 đến năm 2030, mỗi năm trả 80.000.000đ vốn và lãi suất phát sinh tương ứng theo hợp đồng. Hai bên thỏa thuận quyền và nghĩa vụ cả bên vay ông H1 và bên cho vay Ngân hàng, nếu bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi theo hợp đồng thì bên cho vay được chuyển nợ quá hạn và có quyền chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ trước thời hạn, được quy định từ điều 5 đến điều 8 của hợp đồng tín dụng.

Sau khi nhận tiền vay đến kỳ hạn trả nợ đầu tiên ngày 26/6/2021 với số vốn vay đến hạn là 80.000.000đ và lãi suất phát sinh, nhưng ông H1 các ông (bà) T1, N, T2 và H2 không thực hiện đúng hợp đồng là trả vốn và lãi cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần, nhưng đến nay ông H1 vẫn không trả được nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H1 và các thành viên trong hộ bà T1, chị N, chị T2 và anh H trả 800.000.000đ vốn gốc và lãi suất phát sinh đến ngày khởi kiện là 120.754.521đ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/4/2022 là 173.807.425đ. Trong đó lãi trong hạn là 170.184.110đ; Lãi quá hạn là 3.623.315đ. Tổng cộng vốn và lãi 973.807.425đ. Ngân hàng có yêu cầu được quyền tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng nói trên kể từ ngày 7/4/2022 đến khi ông H1 các ông (bà) T1, N, T2 và H2 trả hết nợ. Đồng thời Ngân hàng cũng yêu cầu trả vốn và lãi một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu ông H và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền sử lý tài sản thế chấp để thi hành án.

2. Phần trình bày của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bị đơn ông Dương Văn H1 và người liên quan các ông (bà): Nguyễn Thị T, Dương Thị N, Nguyễn Thị Thanh T và Dương Văn H2 dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về khởi kiện yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng; Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng ông H1 và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của mình, cũng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án;

Nguyên đơn Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Dương Văn H1 các ông (bà) T1, N, T2 và H2. Những người này có địa chỉ tại ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Xét về việc xét xử vắng mặt đương sự.

Bị đơn ông Dương Văn H1 và người có quyền và nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Nguyễn Thị T, Dương Thị N, Nguyễn Thị Thanh T và Dương Văn H2 trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đòi trả tiền nợ vay và lãi suất phát sinh, và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần. Nhưng ông H1 và các ông (bà) T, N, T2 và H2 vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của mình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt các ông (bà) H1, T1, N, T2 và H2.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét về việc vay vốn:

Nguyên đơn Ngân hàng và người đại diện hợp pháp là ông Trần Anh D trình bày khởi kiện bị đơn ông Dương Văn H1 và những người liên quan gồm các ông (bà) Nguyễn Thị T, Dương Thị N, Nguyễn Thị Thanh T và Dương Văn H2 liên đới trả cho Ngân hàng trả vốn và lãi phát sinh tới ngày xét xử sơ thẩm 06/4/2022 là 973.807.425đ tại hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-202005317, ngày 26/6/2020, chứng minh bằng hợp đồng tín dụng 6902-LAV-202005317, ngày 26/6/2020 có nội dung là Ngân hàng cho ông H vay 800.000.000đ mục đích là để sửa chữa nhà ở và trả dần vốn theo định kỳ từ 25/6/2021 đến 25/6/2030, mỗi năm trả 80.000.000đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng. Nhận thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng này giữa Ngân hàng với ông H1 các ông (bà) T1, N, T2 và H2 là hoàn toàn tự nguyện đúng quy định pháp luật. Đồng thời Ngân hàng đã giải ngân, vào ngày 26/6/2020, ông H1 và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 đã nhận đủ số tiền vay, nhưng đến hạn ông H1 và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng, là người có lỗi. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả lại toàn bộ vốn vay và lãi suất phát sinh là có căn cứ theo giao kết từ Điều 5 đến Điều 8 của hợp đồng hai bên đã ký kết và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông H1 và người liên quan các ông (bà) T1, N, T2 và H2 liên đới trả cho Ngân hàng 800.000.000đ vốn gốc và lãi suất phát sinh đến ngày khởi kiện là 120.754.521đ. Tính đến ngày xét xử 05/4/2022 là 173.807.425đ. Tổng cộng vốn và lãi 973.807.425đ là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

- Xét yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật:

Phía nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu ông H1 và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 trả vốn và lãi phát sinh một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và có ý kiến Ngân hàng được tiếp tục tính lãi theo hợp đồng kể từ ngày 07/4/2022 đến khi ông H1 trả hết nợ. Nhận thấy khi ký kết hợp đồng tín dụng hai bên có thỏa thuận xác định thời gian trả vốn và lãi là trả theo kỳ 1 năm trả vốn và lãi phát sinh một lần vào ngày 26/6/2021 đến hết nợ 5/6/2030. Nhưng sau khi vay vốn ông H1 và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 không trả vốn và lãi, cho thấy ông H1 và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 là người vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết ban đầu, là người có lỗi. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc ông H1 trả cho Ngân hàng vốn và lãi một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng ngày 26/6/2020 là đúng quy định pháp luật.

- Xét yêu cầu của Ngân hàng tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng.

Nhận thấy khi thỏa thuận giao kết hợp đồng hai bên cũng thỏa thuận là Ngân hàng được quyền tính lãi theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-202005317, ngày 26/6/2020 và việc giao kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Mặt khác Ngân hàng là tổ chức tín dụng được cho vay theo Luật các tổ chức tín dụng. Do đó nay Ngân hàng yêu cầu được tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc ông H1 và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 trả lãi theo hai hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thi hành án.

Nhận thấy tại Hợp đồng thế chấp số TH1218.12, ngày 26/6/2020 giữa Ngân hàng với ông Dương Văn H1 và các thành viên trong hộ các ông (bà) Nguyễn Thị T, Dương Thị N, Nguyễn Thị Thanh T và Dương Văn H2 có nội dung phía hộ ông H thế chấp thửa đất số 458, tờ bản đồ HMTCT7, diện tích 13.299m² vào sổ cấp giấy số H01440, ngày 24/11/2008 cấp cho hộ, do ông Dương Văn H1 đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa chỉ thửa đất tại ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Để vay 800.000.000đ vốn tại Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và có chứng thực của Cơ quan có thẩm quyền phù hợp quy định pháp luật có giá trị thi hành. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng là nếu ông H1 và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp này để trả nợ là đúng quy định pháp luật.

- Xét yêu cầu của Ngân hàng là buộc ông H1 và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 liên đới trả nợ cho Ngân hàng.

Nhận thấy các ông (bà) Nguyễn Thị T, Dương Thị N, Nguyễn Thị Thanh T và Dương Văn H2 là thành viên trong hộ ông Dương Văn H1. Mặt khác tại hợp đồng ủy quyền ngày 26/6/2020 các ông (bà) T1, N, T2 và H2 ủy quyền cho ông H1 đến Ngân hàng vay vốn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Cho thấy ủy quyền này là hợp pháp có giá trị thi hành. Mặt khác tại hợp đồng thế chấp những người này cùng ký hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất để

vay vốn. Do đó có đủ căn cứ buộc các ông (bà) Nguyễn Thị T, Dương Thị N, Nguyễn Thị Thanh T và Dương Văn H2 liên đới trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nên bị đơn ông H1 và các ông (bà) T1, N, T2 và H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 1 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 463, 466 và Điều 288 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Điều 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A –Chi nhánh huyện Cái Bè.

- Buộc ông Dương Văn H1 và các ông (bà) Nguyễn Thị T, Dương Thị N, Nguyễn Thị Thanh T và Dương Văn H2 liên đới trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện Cái Bè số tiền vốn vay tại hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-202005317, ngày 26/6/2020 số vốn vay còn nợ 800.000.000 đồng vốn và lãi suất phát sinh tín đến ngày 06/4/2022 là 173.807.425đ. Tổng cộng vốn và lãi 973.807.425 đồng (Chín trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Thời gian trả: Trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

-Ngân hàng được quyền tiếp tục tính lãi theo hai hợp đồng tín dụng số 6902-LAV-202005317, ngày 26/6/2020 kể từ ngày 07/4/2022 cho đến khi ông H1 và người liên quan các ông (bà) T1, N, T2 và H2 trả hết nợ.

-Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp là thửa đất số 458, tờ bản đồ HMTTC7, diện tích 13.299m² vào sổ cấp giấy số H01440, ngày 24/11/2008 cấp cho hộ, do ông Dương Văn H1 đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa chỉ thửa đất tại ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang để thi hành án.

2. Về án phí: Ông Dương Văn H1 và các ông (bà) Nguyễn Thị T, Dương Thị N, Nguyễn Thị Thanh T và Dương Văn H2 liên đới chịu 41.214.000 đồng (Bốn mươi một triệu, hai trăm mười bốn nghìn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 19.811.000 đồng (Mười chín triệu, tám trăm mười một nghìn đồng) theo biên lai số 0000873, ngày 09/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng, bị đơn ông H1, người có quyền và nghĩa vụ liên quan các ông (bà) T1, N, T và H2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa hôm nay được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được Nêm yết theo quy định pháp luật về Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG